

Bản án số: 54/2020/DS-PT
Ngày 20-5-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung.

Ông Tống Văn Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 48/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn V, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn V:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979 theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 65 đường N, phường N, Quận 1, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979 theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 65 đường N, phường N, Quận 1, Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào năm 2003, ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D có vay tiền của ông 03 lần với tổng số tiền 74.800.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 18/5/2003 vay 3.000.000 đồng, ngày 10/7/2003 vay 30.000.000 đồng và ngày 19/7/2003 vay 41.800.000 đồng, mục đích vay tiền là để mua bán vịt và lo cho con đi hợp tác lao động tại nước ngoài. Sau khi vay tiền ông V và bà D không có trả tiền cho ông. Nay ông yêu cầu, ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D trả cho ông số tiền 74.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bị đơn ông Phan Văn V, trình bày: Ông và vợ của ông là bà Nguyễn Thị D có vay của ông Trần Văn T số tiền 30.000.000 đồng, nhưng đã trả vào năm 2003. Ông và bà D không có vay số tiền 74.800.000 đồng của ông T nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tùng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền 74.800.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019 ông Phan Văn V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V và giữ nguyên quyết định án của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn V còn trong hạn luật định hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 13/5/2020 ông Trần Văn T là nguyên đơn có mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, do đó hoãn phiên tòa và được đưa ra xét xử lại vào ngày 20/5/2020 ông Trần Văn T vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 13/5/2020 và ngày 20/5/2020 ông Nguyễn Hữu T là người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phan Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đồng ý xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T, đồng thời ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D đồng ý rút lại ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T, để ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D trực tiếp tham dự phiên tòa nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Theo đơn kháng cáo ngày 18/12/2019 và tại phiên tòa hôm nay ông Phan Văn V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, vì ông cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện và ông không có vay số tiền 74.800.000 đồng của ông Trần Văn T, xét yêu cầu kháng cáo của ông V là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ông T khởi kiện yêu cầu ông V và bà D trả cho ông số tiền vốn gốc 74.800.000 đồng. Như vậy, ông T đòi lại tài sản do ông V và bà D quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[5] Ông T là nguyên đơn đưa ra 03 biên nhận nợ ngày 18/5/2003 vay số tiền 3.000.000 đồng, ngày 10/7/2003 vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 19/7/2003 vay số tiền 41.800.000 đồng để chứng minh ông V và bà D vay của ông tổng số tiền 74.800.000 đồng (bút lục số 03). Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay ông V và bà D đều thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong 03 biên nhận nói trên là của ông bà (bút lục số 28, 34). Xét 03 biên nhận ngày 18/5/2003, ngày 10/7/2003 và ngày 19/7/2003 không có tình tiết nào thể hiện số tiền ghi trong biên nhận có tiền lãi, cũng không có căn cứ nào cho thấy ông T ép buộc ông V và bà D ký tên trong biên nhận. Ông V và bà D cho rằng, ông bà có vay số tiền 30.000.000 đồng của ông T nhưng đã trả xong vào năm 2003, không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Xét lời khai này của ông V và bà D là không có cơ sở, vì ngoài lời khai miệng ra ông V và bà D không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của mình, còn ông T thì không thừa nhận lời khai của ông V và bà D nên không có căn cứ cho thấy ông V và bà D chỉ vay số tiền 30.000 đồng của ông T như V và bà D

khai. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông V và bà D là không có cơ sở để xem xét.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ông V, sinh năm 1955 và bà D, sinh năm 1948 là người cao tuổi được quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên miễn án phí cho ông V và bà D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

2. Buộc ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền 74.800.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Văn T 1.850.000 đồng (*Một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000396 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị D.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Văn V, hoàn trả lại cho ông Phan Văn V 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006788 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Hoàng Vân